TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 01-7-2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Thiệp

2. Bà Lý Thị Vinh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lầu A Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lường Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn K kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 10/10/2004, tại Ủy ban nhân dân xã Phổng Lăng, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống anh Lò

Văn K thường xuyên chửi bới, đánh đập và đuổi chị Luân ra khỏi nhà nhiều lần dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, chị Lường Thị L bỏ về nhà bố mẹ, đẻ ở tại bản Ta Ngần, xã Chiềng Ly, huyện TC từ tháng 8 năm 2023 và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lường Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lò Văn K.

Về con chung: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn K có 02 (hai) con chung là cháu Lò Kim C, sinh ngày 22/8/2004 và cháu Lò Thị N, sinh ngày 03/11/2012. Cháu Lò Kim C đã trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động. Hiện tại cháu Lò Thị N đang sống chung với chị Lường Thị L.

Sau khi ly thân Lường Thị L về sống với bố, mẹ đẻ tại xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Lường Thị L có nơi cư trú ổn định, chị Lường Thị L làm trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập.

Chị Lường Thị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị L không yêu cầu anh Lò Văn K cấp dưỡng nuôi cháu Lò Thị N.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lường Thị L cam đoan không có nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lò Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn K và chị Lường Thị L kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 10/10/2004, tại Ủy ban nhân dân xã Phổng Lăng, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2023 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Lường Thị L và Lò Văn K cãi nhau, anh Kim đuổi chị Luân ra khỏi nhà, chị Luân bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 8 năm 2023, anh Lò Văn K và chị Lường Thị L đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Anh Lò Văn K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn chị Lường Thị L.

Về con chung: Anh Lò Văn K và chị Lường Thị L có 02 (hai) con chung là cháu Lò Kim C, sinh ngày 22/8/2004 và cháu Lò Thị N, sinh ngày 03/11/2012. Cháu Lò Kim C đã trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động. Hiện tại cháu Lò Thị N đang sống chung với chị Lường Thị L.

Anh Lò Văn K không nhất trí ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn K khai không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lường Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Luân giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Tại biên bản xác minh ngày 08/4/2024: Tại bản Nà Nọi, xã Phổng Lăng, huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Lường Thị L, anh Lò Văn K có nơi cư trú ổn định, có hộ khẩu thường trú tại bản Nà Nọi, xã Phổng Lăng, huyện TC. Chị Lường Thị L, anh Lò Văn K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổng Lăng. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ, một phần là do anh Kim thường xuyên uống rượu chè. Hiện tại chị Lường Thị L và anh Lò Văn K đã sống ly thân, chị Luân bỏ về nhà bố, mẹ ở bản Ta Ngần, xã Chiềng Ly. Chị Lường Thị L và anh Lò Văn K có 02 (hai) con chung là cháu Lò Kim C, sinh ngày 22/8/2004 và cháu Lò Thị N, sinh ngày 03/11/2012. Cháu Lò Kim C đã trưởng thành và lập gia đình. Hiện tại cháu Lò Thị N đang sống chung với chị Lường Thị L ở bản Ta Ngần, xã Chiềng Ly. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 04/3/2024, cháu Lò Thị N có nguyện vọng là ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện không đầy đủ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị L được ly hôn anh Lò Văn K.

Về con chung: Giao cháu Lò Thị N, sinh ngày 03/11/2012 cho chị Lường Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn K không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lò Thị N (chị Lường Thị L không yêu cầu).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lường Thị L, anh Lò Văn K cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lường Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lường Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn K có địa chỉ tại bản Nà Nọi, xã Phổng Lăng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lường Thị L, bị đơn anh Lò Văn K: Nguyên đơn chị Lường Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Lò Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn K kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 10/10/2004, tại Ủy ban nhân dân xã Phổng Lăng, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến tháng 8 năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lường Thị L và anh Lò Văn K đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Luân cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn K.

Anh Lò Văn K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Luân và anh Kim trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lường Thị L được ly hôn anh Lò Văn K. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn K có 02 (hai) con chung là cháu Lò Kim C, sinh ngày 22/8/2004 và cháu Lò Thị N, sinh ngày 03/11/2012. Cháu Lò Kim C đã trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động. Hiện tại cháu Lò Thị N đang sống chung với chị Lường Thị L.

Chị Lường Thị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị N, sinh ngày 03/11/2012, chị Lường Thị L không yêu cầu anh Lò Văn K cấp dưỡng nuôi cháu Lò Thị N. Anh Lò Văn K không nhất trí ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Toà án: Chị Luân, anh Kim có nơi cư trú ổn định, hiện nay làm trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập. Hiện tại cháu Lò Thị N đang ở với chị Luân.

Ý kiến cháu Lò Thị N có nguyện vọng là ở với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, về tâm sinh lý, tinh thần, cần giao cháu Lò Thị N, sinh ngày 03/11/2012 cho chị Lường Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn K không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lò Thị N (chị Lường Thị L không yêu cầu).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lường Thị L, anh Lò Văn K không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lường Thị L có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Lường Thị L là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lường Thị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; khoản

1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị L được ly hôn anh Lò Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị N, sinh ngày 03/11/2012 cho chị Lường Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn K không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lò Thị N (chị Lường Thị L không yêu cầu).

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn K không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ cho nguyên đơn chị Lường Thị L. Hoàn trả lại chị Lường Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000988, ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị L, anh Lò Văn K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã PL, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng